

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH
ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 49

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 từ trang 06 đến trang 49 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Thạch	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Mai Hiếu Thảo	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn An Trường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn Công Hầu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Thạch	Tổng Giám đốc (hết nhiệm kỳ ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Ông Đặng Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2017)
Bà Dương Thị Dạ Thảo	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2017)

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Mai Quyên	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Vương Xuân Thị Liên	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Trương Ngô Sen	Thành viên (miễn nhiệm ngày 20/04/2017)
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này là Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Ngọc Thạch

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 15 /2018/UHYHCM - BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được thực hiện kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		306.635.387.437	215.786.711.713
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	62.050.536.884	83.330.053.333
Tiền	111		3.956.536.884	3.299.687.428
Các khoản tương đương tiền	112		58.094.000.000	80.030.365.905
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		226.484.221.357	100.044.101.679
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	107.882.911.880	63.325.244.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	106.570.862.968	20.355.990.884
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	5.000.000.000	7.981.202.508
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.583.533.945	9.934.751.275
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.553.087.436)	(1.553.087.436)
Hàng tồn kho	140	11	18.100.629.196	31.935.855.301
Hàng tồn kho	141		18.100.629.196	31.935.855.301
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	476.701.400
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	476.701.400
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		177.435.902.035	171.160.274.893
Các khoản phải thu dài hạn	210		118.692.361.303	128.333.214.456
Phải thu dài hạn khác	216	7	118.692.361.303	128.333.214.456
Tài sản cố định	220		7.053.566.280	8.639.609.281
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.043.844.052	8.618.220.388
- Nguyên giá	222		16.758.416.505	16.758.416.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.714.572.453)	(8.140.196.117)
Tài sản cố định vô hình	227	13	9.722.228	21.388.893
- Nguyên giá	228		148.400.000	148.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.677.772)	(127.011.107)
Tài sản dở dang dài hạn	240	14	29.164.739.575	10.927.450.228
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.164.739.575	10.927.450.228
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	22.345.794.428	23.046.603.100
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.546.603.100	18.546.603.100
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(700.808.672)	-
Tài sản dài hạn khác	260		179.440.449	213.397.828
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	179.440.449	213.397.828
TỔNG TÀI SẢN	270		484.071.289.472	386.946.986.606

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		249.055.960.589	150.507.748.573
Nợ ngắn hạn	310		242.750.402.512	149.757.748.573
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	189.111.615.187	108.700.986.681
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	8.020.922.834	15.250.155.954
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.952.926.906	4.349.047.408
Phải trả người lao động	314		1.412.010.060	638.628.864
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10.562.447.799	6.924.085.035
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	20.259.987.144	9.384.086.846
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	1.642.000.000	3.250.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.788.492.582	1.260.757.785
Nợ dài hạn	330		6.305.558.077	750.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	6.305.558.077	750.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		235.015.328.883	236.439.238.033
Vốn chủ sở hữu	410	23	235.015.328.883	236.439.238.033
Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.081.650.000	236.081.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ phiếu quỹ	415		(21.990.800.000)	(21.990.800.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.803.514.172	1.803.514.172
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.120.964.711	20.544.873.861
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		923.242.461	923.242.461
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.197.722.250	19.621.631.400
TỔNG NGUỒN VỐN	440		484.071.289.472	386.946.986.606

TP.HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Đặng Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Trần Ngọc Thạch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	264.025.115.579	251.758.796.778
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		264.025.115.579	251.758.796.778
Giá vốn hàng bán	11	25	233.959.596.076	224.239.511.920
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.065.519.503	27.519.284.858
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.574.000.112	6.816.829.996
Chi phí tài chính	22	27	1.594.236.266	1.051.057.129
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>247.243.649</i>	<i>168.677.533</i>
Chi phí bán hàng	25	28	2.806.410.764	2.449.360.587
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.317.099.807	5.197.961.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.921.772.778	25.637.735.339
Thu nhập khác	31		237.893.854	255.790.516
Chi phí khác	32		415.380.290	867.850.929
Lợi nhuận khác	40		(177.486.436)	(612.060.413)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.744.286.342	25.025.674.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.980.949.068	4.684.779.355
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.763.337.274	20.340.895.571
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	850	770
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	850	770

TP.HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Đặng Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Trần Ngọc Thạch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		232.811.754.146	368.013.063.685
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(204.017.689.958)	(272.867.208.240)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.233.263.208)	(8.501.006.722)
Tiền lãi vay đã trả	04		(468.705.886)	(168.677.533)
Thuế TNDN đã nộp	05		(4.690.322.158)	(5.452.549.084)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.156.633.767	3.420.842.135
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.377.924.877)	(12.040.070.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.819.518.174)	72.404.393.346
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.842.402.982)	(9.869.374.297)
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.018.797.492)	(7.981.202.508)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	940.871.385
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.643.499.000)	(2.421.994.312)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.791.434.360	4.572.847.198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.713.265.114)	(14.758.852.534)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		22.493.558.077	12.500.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.546.000.000)	(15.200.000.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.694.699.566)	(15.137.349.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.747.141.489)	(17.837.349.101)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(21.279.924.777)	39.808.191.711
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	83.330.053.333	43.518.669.671
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		408.328	3.191.951
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>62.050.536.884</u>	<u>83.330.053.333</u>

TP.HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Trần Ngọc Thạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305173790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/09/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 15/05/2017.

Trụ sở giao dịch: 233/34 Đường Trục, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 là 236.081.650.000 đồng.

Ngày 24/07/2017, cổ phiếu của Công ty giao dịch chính thức trên thị trường UpCoM, mã chứng khoán: HTE.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động chủ yếu của Công ty là buôn bán, tư vấn, lắp đặt vật tư trang thiết bị điện. Theo đó:

- Hoạt động buôn bán có chu kỳ kinh doanh trong ngắn ngày và quay vòng thường xuyên liên tục.
- Hoạt động tư vấn, lắp đặt thông thường có chu kỳ kinh doanh trong dài ngày hoặc qua nhiều kỳ kinh doanh.

1.4 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động chủ yếu của Công ty là buôn bán, tư vấn, lắp đặt vật tư trang thiết bị điện. Lượng hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu khối lượng hoàn thành công trình sẽ ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có Công ty con.

Công ty có Công ty liên doanh, liên kết là Công ty CP Ba An – Tradincorp, hoạt động chính là xây dựng công trình công ích, bán buôn vật liệu ngành nhựa, sản xuất sản phẩm plastic.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư để xác định giá trị bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như phí bảo hiểm vật chất năm đầu tiên cho tài sản, phí sử dụng đường bộ, phí đăng kiểm, lệ phí trước bạ,...

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 6
Phần mềm kế toán	3

4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (“XDCB”) là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị cho dự án, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí đầu tư XDCB được xác định trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành. Chi phí đầu tư XDCB bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác...

Chi phí XDCB được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục mua sắm và được hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí đầu tư XDCB và được theo dõi lũy kế kể từ khi bắt đầu dự án đến khi công trình, hạng mục đầu tư hoàn thành bàn giao, sẵn sàng đưa vào sử dụng.

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định chung về tỷ giá hối đoái và chênh lệch tỷ giá hối đoái, hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào và bán ra chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hoặc tỷ giá của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên nhất

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động thương mại, hoạt động tư vấn, hoạt động xây lắp, hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH, các Công ty do Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH chi phối, Công ty Cổ phần Ba An - Tradincorp, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.435.384.802	1.606.025.504
Tiền gửi ngân hàng	2.521.152.082	1.693.661.924
Các khoản tương đương tiền (*)	58.094.000.000	80.030.365.905
Cộng	62.050.536.884	83.330.053.333

(*) Đây là những khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,1%/năm. Khoản tiền gửi tiết kiệm trị giá 500 triệu đồng được cầm cố cho khoản vay được thuyết minh tại Mục 22 của báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	107.882.911.880	(1.140.117.096)	63.325.244.448	(1.140.117.096)
- Công ty TNHH SX Tủ bù Bảng điện Hải Nam	738.463.000	-	4.970.145.219	-
- CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Cty Điện lực Sài Gòn	12.671.529.302	-	10.767.963.238	-
- Công ty CP Ba An	21.177.635.796	-	14.096.791.910	-
- Công ty Cổ Phần Địa ốc - Cáp Điện Thịnh Phát	16.628.503.348	-	-	-
- CN Tổng Công ty DL Tp.HCM TNHH - Ban Quản Lý DA Lưới Điện Phân Phối TP.HCM	15.148.573.699	-	-	-
- Khách hàng khác	41.518.206.735	(1.140.117.096)	33.490.344.081	(1.140.117.096)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	80.409.734.640	(160.773.338)	31.817.970.387	(160.773.338)
- Nhóm các Công ty, Chi nhánh có liên quan đến Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	59.071.325.506	-	17.560.405.139	-
- Công ty CP Ba An	21.177.635.796	-	14.096.791.910	-
- Công ty Cổ Phần TST Engineering Việt Nam	160.773.338	(160.773.338)	160.773.338	(160.773.338)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.583.533.945	(412.970.340)	9.934.751.275	(412.970.340)
- Ký quỹ mở LC	-	-	64.249	-
- Lãi dự thu	200.866.686	-	-	-
- Công ty CP Thiết bị Điện VI-NA-SI-NO	1.871.100.000	-	1.871.100.000	-
- Công ty TNHH Duyên Hà	-	-	716.925.876	-
- Kho bạc Nhà nước	373.020.380	-	174.324.159	-
- Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	(412.970.340)	412.970.340	(412.970.340)
- Công ty TNHH TM DV PTN	1.179.061.489	-	1.179.061.489	-
- Công ty CP TST Engineering	1.705.915.923	-	4.168.415.923	-
- Công ty Vạn Phước	668.181.818	-	668.181.818	-
- Công ty TNHH TV Thiết kế XD TM Gia Khánh	364.131.899	-	364.131.899	-
- Công ty CP TV XD Điện lực TP.HCM	193.223.192	-	130.282.000	-
- Công ty CP Điện Cơ	1.000.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	615.062.218	-	249.293.522	-
Dài hạn	118.692.361.303	-	128.333.214.456	-
- Ký cược, ký quỹ	222.805.560	-	648.212.194	-
- Góp vốn đầu tư Dự án điện gió (*)	31.122.853.312	-	28.479.354.312	-
- Góp vốn đầu tư Dự án Tân Túc (**)	29.624.853.000	-	29.624.853.000	-
- Phải thu vốn ngân sách	57.721.849.431	-	69.580.794.950	-
Cộng	127.275.895.248	(412.970.340)	138.267.965.731	(412.970.340)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(*) Căn cứ hợp đồng hợp tác thực hiện dự án “tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, hai hệ cánh đồng trục InS-W-1000” số 11/CNS-NCPT ngày 17/01/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV, Tổng số vốn góp của hai bên là 105.290.000.000 đồng là kinh phí đầu tư mới cho dự án từ các nguồn khác, ngoài khoản kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học đầu tư mới cho dự án do Sở Khoa học và Công nghệ cấp là 43.926.000.000 đồng, mỗi bên chiếm 50% tổng vốn góp.

Sau khi dự án hoàn thành và có chuyển nhượng 3 tổ máy phát điện gió, hai bên sẽ thu hồi vốn đầu tư của mỗi bên, phần còn lại (kể cả nguồn kinh phí hỗ trợ của Ngân sách khoa học) sẽ được hai bên đồng thụ hưởng theo tỷ lệ góp vốn và được tái sử dụng cho giai đoạn 2 - giai đoạn tiếp nhận công nghệ, sản xuất và kinh doanh máy phát điện gió.

(**) Căn cứ hợp đồng nguyên tắc số 168/HĐ-Tradin-BĐS ngày 22/03/2010 về hợp tác đầu tư dự án dân cư thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. HCM và hợp đồng hợp tác đầu tư số 953/HĐHT/TTB ngày 15/11/2011 về hợp tác đầu tư dự án chỉnh trang khu dân cư dọc đường Tân Túc, huyện Bình Chánh giữa Công ty và Công ty TNHHĐT Xây dựng Thương mại Vạn Phước. Đồng thời, căn cứ biên bản họp ngày 22/12/2015, dựa vào kinh phí góp, hai bên đã thống nhất phân chia diện tích quyền sử dụng đất cho Công ty Tradincorp là 2.239,6m². Công ty đang hoàn tất hồ sơ pháp lý có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	106.570.862.968	20.355.990.884
Liên quan hoạt động Công ty		
- Công ty TNHH Thiết bị điện Sang Trọng	-	1.453.009.000
- Công ty CP Thiết bị Điện Nam Đô	-	2.108.951.739
- Siemens Limited Company	2.046.873.240	7.613.740.267
- Công ty TNHH Năng Lượng Và Dịch Vụ	2.617.139.700	-
- Nhà cung cấp khác	3.943.886.016	2.672.401.878
Liên quan đến ngân sách Nhà nước		
- Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ thuật	-	6.000.000.000
- Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện Nhà Bè	97.476.855.458	-
- Nhà cung cấp khác	486.108.554	507.888.000
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	106.570.862.968	20.355.990.884

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	5.000.000.000	7.981.202.508
- Công ty CP Điện Cơ	-	7.981.202.508
- Công ty CP TV XD Điện lực TP. HCM (*)	5.000.000.000	-
Dài hạn	-	-
Cộng	5.000.000.000	7.981.202.508

(*) Đây là khoản cho Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện lực TP. HCM vay kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng cho vay vốn số 1201/HĐVV/TV-Tradincorp ngày 12/01/2017. Lãi suất cho vay cố định là 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	1.553.087.436	-	1.553.087.436	-
Công ty TNHH Nam Long	412.970.340	-	412.970.340	-
Công ty CP Xây lắp Toàn Trung	134.264.750	-	134.264.750	-
Công ty CP Xây dựng Hoàng Long	495.079.008	-	495.079.008	-
Công ty CP Địa ốc Bình Tân	350.000.000	-	350.000.000	-
Công ty CP TST Engineering	160.773.338	-	160.773.338	-

- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;

Công ty TNHH Nam Long
Công ty CP Xây lắp Toàn Trung
Công ty CP Xây dựng Hoàng Long
Công ty CP Địa ốc Bình Tân
Công ty CP TST Engineering

- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	388.678.827	-	207.332.179	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.237.171.005	-	21.730.908.080	-
Hàng hóa	1.474.779.364	-	9.997.615.042	-
Cộng	18.100.629.196	-	31.935.855.301	-

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
Hàng hóa

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2017	16.405.255.378	353.161.127	16.758.416.505
Tại 31/12/2017	16.405.255.378	353.161.127	16.758.416.505
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2017	(7.799.124.340)	(341.071.777)	(8.140.196.117)
Khấu hao trong năm	(1.562.286.986)	(12.089.350)	(1.574.376.336)
Tại 31/12/2017	(9.361.411.326)	(353.161.127)	(9.714.572.453)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	8.606.131.038	12.089.350	8.618.220.388
Tại 31/12/2017	7.043.844.052	-	7.043.844.052

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 1.467.126.141 đồng.

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2017	148.400.000	148.400.000
Tại 31/12/2017	148.400.000	148.400.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2017	(127.011.107)	(127.011.107)
Khấu hao trong năm	(11.666.665)	(11.666.665)
Tại 31/12/2017	(138.677.772)	(138.677.772)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2017	21.388.893	21.388.893
Tại 31/12/2017	9.722.228	9.722.228

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 113.400.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	VND	VND
Chi phí XD/CB dở dang	29.164.739.575	10.927.450.228
- Dự án Tân Túc	859.669.331	859.669.331
- Dự án Nơ Trang Long	6.184.210.324	2.486.910.436
- Dự án Lương Định Của	10.200.708.221	7.580.870.461
- Dự án CT 432/10 KP1 đường số 85, Phường Tân Quy Quận 7, TPHCM	11.658.000.000	-
- Dự án điện gió	262.151.699	-
Cộng	<u>29.164.739.575</u>	<u>10.927.450.228</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Tại 31/12/2017</u>	<u>Tại 01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	179.440.449	213.397.828
- Chi phí công cụ dụng cụ	179.440.449	213.397.828
Cộng	<u>179.440.449</u>	<u>213.397.828</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017 (VND)			Tại 01/01/2017 (VND)		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con		-	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000
+ Công ty CP BaAn - Tradincorp	30,0%	4.500.000.000	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác		18.546.603.100	17.845.794.428	(700.808.672)	18.546.603.100	18.546.603.100
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện lực VN	7,0%	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
+ Công ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh	0,1%	3.324.000.000	2.623.191.328	(700.808.672)	3.324.000.000	3.324.000.000
+ Công ty TNHH Công nghệ mới Việt Nga	10,0%	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000
+ Công ty CP Thiết bị điện VI- NA-SI-NO	6,0%	6.930.000.000	6.930.000.000	-	6.930.000.000	6.930.000.000
+ Công ty CP Điện Cơ	13,2%	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	6.000.000.000
+ Công ty CP TV XD Điện lực TP. HCM	19,2%	592.603.100	592.603.100	-	592.603.100	592.603.100
Cộng		23.046.603.100	22.345.794.428	(700.808.672)	23.046.603.100	23.046.603.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	189.111.615.187	189.111.615.187	108.700.986.681	108.700.986.681
Liên quan đến hoạt động của Công ty				
- Công ty CP Điện Cơ	2.504.770.950	2.504.770.950	3.489.686.200	3.489.686.200
- Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Điện và Xúc Tiến Thương Mại	5.484.339.460	5.484.339.460	-	-
- Công ty TNHH Trao Đổi Hoàn cầu	9.238.525.000	9.238.525.000	7.774.965.000	7.774.965.000
- Công ty TNHH TM và DV An Phú Vĩnh	6.512.000.000	6.512.000.000	3.180.272.500	3.180.272.500
- Nhà cung cấp khác	10.668.866.883	10.668.866.883	17.649.922.456	17.649.922.456
Liên quan đến ngân sách Nhà nước				
- Công ty CP Xây lắp Điện 1	44.846.944.387	44.846.944.387	22.473.183.870	22.473.183.870
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	40.929.474.967	40.929.474.967	18.550.184.831	18.550.184.831
- GS Engineering & Construction Corp	37.611.362.938	37.611.362.938	34.172.540.688	34.172.540.688
- Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ thuật An Pha	29.412.629.133	29.412.629.133	-	-
- Nhà cung cấp khác	1.902.701.469	1.902.701.469	1.410.231.136	1.410.231.136
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	3.128.889.346	3.128.889.346	4.359.028.598	4.359.028.598
- Công ty CP Điện Cơ	2.504.770.950	2.504.770.950	3.489.686.200	3.489.686.200
- Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông	1.392.386	1.392.386	-	-
- Công ty CP BaAn - Tradincorp	-	-	840.730.770	840.730.770
- Nhóm các Công ty, Chi nhánh có liên quan đến Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	622.726.010	622.726.010	28.611.628	28.611.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
- Thuế GTGT	-	5.536.891.892	2.215.646.599	3.321.245.293
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.539.697.737	5.539.697.737	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	330.679.542	330.679.542	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.305.127.445	4.980.949.068	4.690.322.158	4.595.754.355
- Thuế thu nhập cá nhân	43.919.963	648.123.322	656.116.027	35.927.258
- Các loại thuế khác	-	257.966.661	257.966.661	-
Cộng	4.349.047.408	17.294.308.222	13.690.428.724	7.952.926.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.020.922.834	15.250.155.954
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	-	1.298.336.320
- Tổng Công Ty Điện Lực Tp.HCM TNHH	-	6.082.244.740
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Phú Thọ	-	1.620.413.164
- Ban Quản Lý DA Thoát Nước Đô Thị	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận Bình Chánh	1.985.869.000	-
- Công ty CP Xây Dựng Số 5	2.718.900.000	-
- Đối tượng khác	1.816.153.834	4.749.161.730
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	154.039.784	12.792.427.608
- Nhóm các Công ty, Chi nhánh có liên quan đến Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	154.039.784	12.792.427.608

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	10.562.447.799	6.924.085.035
- Trích trước chi phí thực hiện hợp đồng đã nghiệm thu	10.562.447.799	6.924.085.035
Dài hạn	-	-
Cộng	10.562.447.799	6.924.085.035

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	19.899.987.144	9.384.086.846
- Bảo hiểm xã hội	12.857.650	3.382.896
- Bảo hiểm y tế	398.860	370.214
- Cổ tức phải trả năm 2008 - 2016	17.779.363.055	8.537.990.478
- Phải trả tiền thu hộ CNV	5.924.467	11.924.467
- Phải trả đội thi công	2.003.280.609	625.707.218
- Đối tượng khác	98.162.503	204.711.573
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	19.899.987.144	9.384.086.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2017		Trong năm		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	a) Vay, nợ thuế tài chính ngắn hạn	1.642.000.000	1.642.000.000	16.938.000.000	18.546.000.000	3.250.000.000
- Nợ đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN 4 (*)	850.000.000	850.000.000	750.000.000	3.150.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
- Nợ đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	792.000.000	792.000.000	1.188.000.000	396.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
b) Vay, nợ thuế tài chính dài hạn	6.305.558.077	6.305.558.077	7.493.558.077	1.938.000.000	750.000.000	750.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN 4 (*)	-	-	-	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	6.305.558.077	6.305.558.077	7.493.558.077	1.188.000.000	-	-

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan

(*) Theo hợp đồng tín dụng số 11.033.004/HĐTD ngày 18/05/2011 và số 11.033.005/HĐTD ngày 02/06/2011. Mục đích vay để lắp đặt công trình ngầm hóa đường Trần Hưng Đạo. Lãi suất cho vay là 12%/năm, ngày đáo hạn 18/01/2018. Hình thức đảm bảo tiền vay bằng tín chấp và tài khoản tiền gửi kỳ hạn trị giá 500 triệu đồng.

(**) Theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/6752458/HĐTD ngày 25/11/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 25/10/2016. Số tiền vay tối đa là 42.553 triệu đồng. Mục đích vay là thanh toán các chi phí dự án ngầm hóa lưới điện, cấp viễn thông tại dự án đầu tư “Xây dựng mới mương và ống phục vụ ngầm hóa trên tuyến đường Nơ Trang Long” và “Xây dựng hệ thống mương, hào kỹ thuật và ống phục vụ ngầm hóa lưới điện và cáp viễn thông trong dự án nâng cấp tuyến đường Lương Lương Định Của Quận 2”. Lãi suất tại thời điểm giải ngân. Thời gian vay là 84 tháng kể từ lúc rút vốn lần đầu cho dự án. Thẻ chấp các quyền và lợi ích thu được từ kinh doanh, khai thác 2 dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		
Tại 01/01/2016	236.081.650.000	(1.990.800.000)	1.803.514.172	19.650.510.461	255.544.874.633		
- Lợi nhuận năm	-	-	-	20.340.895.571	20.340.895.571		
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(20.000.000.000)	-	-	(20.000.000.000)		
- Tạm trích quỹ KT, PL năm 2016	-	-	-	(719.264.171)	(719.264.171)		
- Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(18.727.268.000)	(18.727.268.000)		
Tại 31/12/2016	236.081.650.000	(21.990.800.000)	1.803.514.172	20.544.873.861	236.439.238.033		
Tại 01/01/2017	236.081.650.000	(21.990.800.000)	1.803.514.172	20.544.873.861	236.439.238.033		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.763.337.274	20.763.337.274		
- Trích quỹ KT, PL năm 2016	-	-	-	(1.638.000.000)	(1.638.000.000)		
- Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(17.983.631.400)	(17.983.631.400)		
- Tạm trích quỹ KT, PL năm 2017	-	-	-	(2.565.615.024)	(2.565.615.024)		
Tại 31/12/2017	236.081.650.000	(21.990.800.000)	1.803.514.172	19.120.964.711	235.015.328.883		

Theo Báo cáo giao dịch bán cổ phiếu quỹ ngày 24/10/2017, Công ty thực hiện bán 2.199.080 cổ phiếu quỹ nhưng không thành công do không đạt được giá bán kỳ vọng.

Trong năm 2017, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 04/NQ-TRADIN-HĐQT.II ngày 20/04/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH	29,7%	70.000.000.000	29,7%	70.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	8,6%	20.250.000.000	8,6%	20.250.000.000
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn	3,2%	7.650.000.000	3,2%	7.650.000.000
Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn	5,7%	13.500.000.000	5,7%	13.500.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	4,4%	10.350.000.000	4,4%	10.350.000.000
Công ty CP Siêu Thanh	1,9%	4.500.000.000	1,9%	4.500.000.000
Cổ đông khác	46,5%	109.831.650.000	46,5%	109.831.650.000
Cổ phiếu quỹ		(21.990.800.000)		(21.990.800.000)
Cộng	100%	236.081.650.000	100%	236.081.650.000

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	236.081.650.000	236.081.650.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	236.081.650.000	236.081.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.983.631.400	18.727.268.000

23.4 CỔ TỨC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	-	17.983.631.400
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	-	17.983.631.400
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.5 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	23.608.165	23.608.165
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	23.608.165	23.608.165
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2.199.080)	(2.199.080)
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	(2.199.080)	(2.199.080)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.409.085	21.409.085
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	21.409.085	21.409.085
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

23.6 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.803.514.172	1.803.514.172
Cộng	1.803.514.172	1.803.514.172

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu thương mại	195.185.395.356	203.894.204.455
Doanh thu dịch vụ tư vấn	15.267.032.692	10.361.773.519
Doanh thu dịch vụ xây lắp	50.326.862.712	35.057.854.429
Doanh thu khác	3.245.824.819	2.444.964.375
Cộng	264.025.115.579	251.758.796.778
Doanh thu với các bên liên quan (*)	263.068.086.933	205.789.449.493

(*) Xem chi tiết tại mục 35.1 của thuyết minh Báo cáo tài chính.

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn thương mại	177.818.721.875	181.174.825.136
Giá vốn dịch vụ tư vấn	9.386.952.696	7.659.360.164
Giá vốn dịch vụ xây lắp	44.726.406.586	33.463.589.404
Giá vốn khác	2.027.514.919	1.941.737.216
Cộng	233.959.596.076	224.239.511.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.364.079.101	3.376.516.414
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.065.141.000	3.248.605.235
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	144.780.011	191.708.347
Cộng	5.574.000.112	6.816.829.996

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	247.243.649	168.677.533
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	700.808.672	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	646.181.421	882.379.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	2.524	-
Cộng	1.594.236.266	1.051.057.129

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí bán hàng	2.806.410.764	2.449.360.587
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.806.410.764	2.449.360.587
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.317.099.807	5.197.961.799
- Chi phí nhân viên quản lý	3.102.454.265	2.041.456.217
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.513.406	288.113.092
- Thuế phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	-	634.664.440
- Chi phí bằng tiền khác	1.997.132.136	2.230.728.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.744.286.342	25.025.674.926
Các khoản chi phí không được khấu trừ	225.600.000	310.928.447
- Chi phí khác	7.500.000	46.928.447
- Thù lao HĐQT, BKS	218.100.000	264.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	25.969.886.342	25.336.603.373
Thu nhập miễn thuế	1.065.141.000	2.001.382.000
Thu nhập tính thuế TNDN	24.904.745.342	23.335.221.373
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	4.980.949.068	4.667.044.275
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	17.735.080
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.980.949.068	4.684.779.355

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.763.337.274	20.340.895.571
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.565.615.024)	(2.357.264.171)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	21.409.085	23.359.085
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	850	770

- Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị tạm tính là 719.264.171 đồng. Trong năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 04/NQ-TRADIN-HĐQT.II ngày 20/04/2017, Công ty trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2016, với tổng giá trị đã trích là 2.357.264.171 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

- Lợi nhuận năm 2017 để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi tạm trích theo kế hoạch lợi nhuận năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.763.337.274	20.340.895.571
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(2.565.615.024)	(2.357.264.171)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	21.409.085	23.359.085
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	850	770

(*) Như được nêu tại thuyết minh số 30 của Báo cáo tài chính, do ảnh hưởng của điều chỉnh nêu trên, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 để so sánh với lãi suy giảm trên cổ phiếu năm nay.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.334.591.743	24.838.350.862
Chi phí nhân công	20.529.470.919	7.825.809.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.586.043.001	1.634.099.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.124.484.640	47.290.811.320
Chi phí khác bằng tiền khác	7.833.451.918	5.799.083.282
Cộng	158.408.042.221	87.388.154.363

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi số	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.050.536.884	83.330.053.333
Phải thu khách hàng	107.882.911.880	63.325.244.448
Phải thu về cho vay	5.000.000.000	7.981.202.508
Các khoản phải thu khác	127.275.895.248	138.267.965.731
Cộng	302.209.344.012	292.904.466.020
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	7.947.558.077	4.000.000.000
Phải trả người bán	189.111.615.187	108.700.986.681
Chi phí phải trả	10.562.447.799	6.924.085.035
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.880.806.167	9.368.409.269
Cộng	227.502.427.230	128.993.480.985

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản nào để đảm bảo cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Hội đồng Quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Nợ phải trả tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	1.642.000.000	6.305.558.077	-	7.947.558.077
Phải trả người bán	189.111.615.187	-	-	189.111.615.187
Chi phí phải trả	10.562.447.799	-	-	10.562.447.799
Phải trả, phải nộp khác	19.880.806.167	-	-	19.880.806.167
Cộng	221.196.869.153	6.305.558.077	-	227.502.427.230
Tại 01/01/2017				
Vay và nợ thuê tài chính	3.250.000.000	750.000.000	-	4.000.000.000
Phải trả người bán	108.700.986.681	-	-	108.700.986.681
Chi phí phải trả	6.924.085.035	-	-	6.924.085.035
Phải trả, phải nộp khác	9.368.409.269	-	-	9.368.409.269
Cộng	128.243.480.985	750.000.000	-	128.993.480.985

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.050.536.884	-	-	62.050.536.884
Phải thu khách hàng	107.882.911.880	-	-	107.882.911.880
Phải thu về cho vay	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	8.583.533.945	118.692.361.303	-	127.275.895.248
Cộng	183.516.982.709	118.692.361.303	-	302.209.344.012
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.330.053.333	-	-	83.330.053.333
Phải thu khách hàng	63.325.244.448	-	-	63.325.244.448
Phải thu về cho vay	7.981.202.508	-	-	7.981.202.508
Các khoản phải thu khác	9.934.751.275	128.333.214.456	-	138.267.965.731
Cộng	164.571.251.564	128.333.214.456	-	292.904.466.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2017	Doanh thu thương mại	Doanh thu dịch vụ tư vấn	Doanh thu dịch vụ xây lắp	Doanh thu khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.185.395.356	15.267.032.692	50.326.862.712	3.245.824.819	264.025.115.579
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.185.395.356	15.267.032.692	50.326.862.712	3.245.824.819	264.025.115.579
Giá vốn bộ phận	(177.818.721.875)	(9.386.952.696)	(44.726.406.586)	(2.027.514.919)	(233.959.596.076)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.366.673.481	5.880.079.996	5.600.456.126	1.218.309.900	30.065.519.503
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8.123.510.571)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					21.942.008.932
Doanh thu hoạt động tài chính					5.574.000.112
Chi phí tài chính					(1.594.236.266)
Thu nhập khác					237.893.854
Chi phí khác					(415.380.290)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.980.949.068)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					20.763.337.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty (tiếp):

Năm 2016	Doanh thu	Doanh thu dịch	Doanh thu dịch	Doanh thu khác	Cộng
	thương mại VND	vụ tư vấn VND	vụ xây lắp VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.894.204.455	10.361.773.519	35.057.854.429	2.444.964.375	251.758.796.778
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	203.894.204.455	10.361.773.519	35.057.854.429	2.444.964.375	251.758.796.778
Giá vốn bộ phận	(181.174.825.136)	(7.659.360.164)	(33.463.589.404)	(1.941.737.216)	(224.239.511.920)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.719.379.319	2.702.413.355	1.594.265.025	503.227.159	27.519.284.858
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(7.647.322.386)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					19.871.962.472
Doanh thu hoạt động tài chính					6.816.829.996
Chi phí tài chính					(1.051.057.129)
Thu nhập khác					255.790.516
Chi phí khác					(867.850.929)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.684.779.355)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					20.340.895.571

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giao dịch liên quan cung cấp hàng hóa, dịch vụ	196.894.913.894	171.728.757.443
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Đức	5.234.680.015	482.410.603
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH Công ty Điện Lực Sài Gòn	39.685.582.161	19.869.584.240
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Củ Chi	2.114.775.164	-
- CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH- Công ty Điện Lực Tân Thuận	6.087.380.940	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	8.023.957.061	4.132.705.785
- CN Tổng Công ty ĐL tp.HCM TNHH - Công ty ĐL Bình Chánh	804.684.118	-
- Tổng Công Ty Điện Lực Tp.HCM TNHH	67.649.553.400	114.461.285.609
- CN Tổng Công Ty Điện Lực TpHCM TNHH- Công Ty Thí Nghiệm ĐL TpHCM	154.630.173	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện lực Hóc Môn	1.435.112.378	3.054.734.455
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH - Công Ty CNTT ĐL TP HCM	57.239.582	-
- Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH	13.118.102.800	-
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn	123.885.753	15.777.947.396
- CN Tổng Công ty ĐL TP HCM TNHH - Công ty LĐ Cao Thế TP HCM	4.691.289.042	-
- CN Tổng Công Ty Điện Lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	1.274.686.167	2.046.020.503
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP.HCM TNHH- Công ty ĐL Bình Phú	171.752.917	269.163.556
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Phú Thọ	10.730.630.983	1.583.942.594
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	4.265.053.198	751.700.337
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gò Vấp	1.214.085.987	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gia Định	4.482.734.709	4.000.363.375
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	-	5.298.898.990
- Công ty Cổ Phần Ba An	16.619.750.000	-
- Điện lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	900.517.420	-
- Công ty Truyền tải Điện 4	8.054.829.926	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Giao dịch liên quan cung cấp hàng hóa, dịch vụ	66.173.173.039	34.060.692.050
- Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện TPHCM - Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	886.854.540	1.962.056.470
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông	383.895.439	-
- Công ty Lưới Điện Cao Thế Tp.Hà Nội - Tổng Công ty Điện Lực Tp.Hà Nội	643.947.353	-
- Tổng Công Ty Điện Lực Hà Nội	6.439.473.533	-
- CN Tổng Công ty ĐL Tp.HCM TNHH - Ban Quản Lý DA Lưới Điện Phân Phối TPHCM	35.161.932.798	-
- Công Ty Điện Lực Cà Mau	1.285.555.630	-
- CN Tổng Công Ty Điện lực Tp.HCM TNHH - Công Ty Vật Tư Vận Tải ĐL TPHCM	1.011.175.000	-
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Điện Miền Nam	167.024.000	-
 <u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	 <u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	 <u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Giao dịch liên quan đến mua hàng hóa, dịch vụ	6.106.056.119	16.049.317.790
- CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH- Công ty Điện Lực Tân Thuận	37.755.616	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH- Công ty Thí Nghiệm ĐL TPHCM	677.056.353	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gia Định	50.860.774	-
- Công ty Cổ Phần Điện Cơ	1.634.425.100	3.352.525.880
- Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông	316.862.863	-
- Công ty Cổ Phần BaAn - Tradincorp	1.141.792.575	12.696.791.910
- Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH- Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	2.231.460.000	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH- Trung Tâm Điều Độ Hệ Thống Điện TPHCM	15.842.838	-
Cho vay	7.981.202.508	-
- Công ty CP Điện Cơ trả nợ vay	7.981.202.508	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tại 31/12/2017</u> <u>VND</u>	<u>Tại 01/01/2017</u> <u>VND</u>
Phải thu về cho vay		
- Công ty CP Điện Cơ	-	7.981.202.508
- Công ty CP TV XD Điện lực TP. HCM	5.000.000.000	-
Phải thu khác		
- Công ty CP Thiết bị Điện VI-NA-SI-NO	1.871.100.000	1.871.100.000
- Công ty CP TST Engineering	4.168.415.923	4.168.415.923
- Công ty CP Điện Cơ	1.000.000.000	-
<u>Thù lao, lương của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
- Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	218.100.000	264.000.000
- Lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	1.334.605.634	513.847.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

Đối tượng	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Phải thu của khách hàng	Người mua trả tiền trước VND	Phải thu của khách hàng	Người mua trả tiền trước VND
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH Công ty Điện Lực Sài Gòn	12.671.529.302	-	10.767.963.238	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Củ Chi	123.867.613	-	55.303.293	-
- CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH- Công ty Điện Lực Tân Thuận	396.005.500	139.109.161	-	2.320.554.051
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Thủ Thiêm	5.957.130.562	-	98.546.862	1.298.336.320
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Điện Lực Duyên Hải	46.313.144	-	46.313.144	-
- CN Tổng Công ty DL tp.HCM TNHH - Công ty DL Bình Chánh	58.488.118	-	-	-
- Tổng Công ty Điện Lực Tp.HCM TNHH	-	-	-	6.082.244.740
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH-Công ty Thí Nghiệm DL TpHCM	160.081.347	13.930.623	441.407.972	21.030.398
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện lực Học Môn	-	-	14.216.146	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH -Công ty CNTT DL TP HCM	86.739.565	-	581.878.736	-
- CN Tổng Công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Chợ Lớn	3.994.996.082	-	80.711.395	-
- CN Tổng Công ty DL TP HCM TNHH - Công ty LĐ Cao Thế TP HCM	136.068.233	-	7.989.970	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Phú	667.634.722	-	720.834.722	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực Tp.HCM TNHH-Công ty DL Bình Phú	5.938.179.217	-	1.190.885.001	1.620.413.164
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Phú Thọ	422.431.129	-	839.369.778	362.410.273
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Bình	94.582.987	-	-	-
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gò Vấp	2.181.553.400	-	2.418.847.707	657.161.309
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Gia Định	64.885.419	-	-	-
- Điện lực Long Thành - Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	5.654.023.340	-	-	-
- Công ty Truyền tải Điện 4	314.237.440	-	143.028.831	-
- Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện TPHCM - Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

Đối tượng (tiếp)

- Ban Quản Lý Dự án Lưới Điện TPHCM - Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH
- CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực An Phú Đông
- Công ty Lưới Điện Cao Thế Tp.Hà Nội - Tổng Công ty Điện Lực Tp.Hà Nội
- CN Tổng Công ty ĐL Tp.HCM TNHH - BQL DA Lưới Điện Phân Phối TPHCM
- Công ty Điện Lực Cà Mau
- CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH - Công ty Vật Tư Vận Tải ĐL TPHCM
- Công ty Cổ Phần Ba An
- Công ty Cổ Phần TST Engineering Việt Nam

Cộng

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	VND		VND	
	Phải thu của khách hàng	Người mua trả tiền trước	Phải thu của khách hàng	Người mua trả tiền trước
	314.237.440	-	143.028.831	-
	6.900.603	1.000.000	10.079.513	1.000.000
	19.231.870.327	-	-	429.277.353
	88.670.016	-	-	-
	460.900.000	-	-	-
	21.177.635.796	-	14.096.791.910	-
	160.773.338	-	160.773.338	-
	80.409.734.640	154.039.784	31.817.970.387	12.792.427.608

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	VND		VND	
	Trả trước người bán	Phải trả người bán	Trả trước người bán	Phải trả người bán
	37.104.635	-	-	-
	-	28.611.628	-	28.611.628
	8.735.417	-	8.735.417	-
	-	469.374.382	-	-
	-	124.740.000	-	-
	-	-	-	840.730.770
	-	1.392.386	-	-
	-	2.504.770.950	-	3.489.686.200
	45.840.052	3.128.889.346	8.735.417	4.359.028.598

Đối tượng

- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH- Công ty Điện Lực Sài Gòn
- CN Tổng Công ty Điện lực TPHCM TNHH - Công ty Điện Lực Tân Thuận
- CN Tổng Công ty Điện Lực TP HCM TNHH - Công ty Điện Lực Thủ Thiêm
- CN Tổng Công ty Điện Lực TPHCM TNHH - Công ty Thị Nghiệm ĐL TPHCM
- Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thị Nghiệm Điện Miền Nam
- Công ty CP Ba An - Tradincorp
- Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Viễn Đông
- Công ty Cổ Phần Điện Cơ

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU ĐẦU NĂM

Một số chỉ tiêu Số đầu năm trên Bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại theo quy định của Thông tư 200, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày	
		31/12/2016 theo BCTC được kiểm toán	01/01/2017 đã điều chỉnh, phân loại lại

Bảng Cân đối kế toán

Đầu từ nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.981.202.508	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	7.981.202.508
Phải thu dài hạn khác	216	70.229.007.144	128.333.214.456
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	76.650.810.412	18.546.603.100

Ngoài ra, một số chỉ tiêu đã được tính toán lại như được nêu tại mục 30 và 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2016 theo BCTC 31/12/2016 đã kiểm toán	Năm 2016 sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	840	770
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	840	770

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH
ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
233/34 Đường Trục, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM. Số liệu này đã được điều chỉnh phân loại lại như được nêu tại mục 36 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

TP.HCM, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Đặng Thị Thu Nga

Nguyễn Thị Mỹ Duyên

Trần Ngọc Thạch

